

Số: 16/2024/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 08 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hương Lý

*Thư ký phiên họp:* Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Đoàn Minh Đ – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn Q, sinh ngày: 02/6/1971 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày: 01/01/1971.

Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương trình bày:*

Qua quá trình kiểm tra lý lịch, tài liệu lưu trữ tại Ủy ban và theo phản ánh của công dân, Ủy ban nhân dân xã C phát hiện trường hợp ông Vũ Văn Q, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Đ1 sinh năm 1971, kết hôn ngày 13 tháng 9 năm 1989 (số B, quyển 01, ngày 13/9/1989) là trái pháp luật. Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, Bản chính giấy khai sinh thì ông Vũ Văn Q sinh ngày 02/6/1971, còn bà Nguyễn Thị Đ1 sinh ngày 01/01/1971, nhưng ngày

13/9/1989 đã tiến hành đăng ký kết hôn, khi đó ông Vũ Văn Q chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 (*N từ 20 tuổi trở lên, N1 từ 18 tuổi trở lên*). Khi đi đăng ký kết hôn ông Vũ Văn Q đã khai là Vũ Ngọc Q1 sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Đ1 khai sinh năm 1971; khi đó cán bộ tư pháp xã chưa thẩm định, kiểm tra kỹ lý lịch của ông Q1 và bà Đ1 đã đăng ký kết hôn cho ông Q1, bà Đ1 và ghi trong sổ đăng ký kết hôn là ông Vũ Ngọc Q1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1971. Việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho ông Q1 và bà Đ1 nhiều vấn đề khó khăn trong việc giao dịch các thủ tục, giấy tờ hành chính của gia đình. Đặc biệt hiện nay địa phương đang thực hiện việc làm sạch giữ liệu số hóa hộ tịch. Hiện tại ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1 vẫn chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Q và bà Đ1 vào ngày 13/9/1989. Nếu ông Q và bà Đ1 yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:*

Ngày 13/9/1989, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C thì ông Q khai sinh năm 1968, bà Đ1 khai sinh năm 1971. Nhưng thực tế, ông Q sinh ngày 02/6/1971 đúng như trong Giấy khai sinh, Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu gia đình và một số giấy tờ khác. Vì ông Q sinh ngày 02/6/1971 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông Q chưa đủ tuổi nên ông bà khai báo với cán bộ tư pháp hộ tịch là ông Q sinh năm 1968 để ông bà có thể đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc cho đến nay, cùng sinh được 03 con chung. Tuy nhiên, do thời điểm ông bà đăng ký kết hôn, ông Q đã khai báo năm sinh không chính xác, dẫn đến năm sinh của ông Q thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không trùng khớp với ngày tháng năm sinh trong các giấy tờ như Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu và một số giấy tờ tùy thân khác. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các giao dịch hoặc thực hiện các thủ tục hành chính của gia đình. Đến nay, ông bà đã nhận thức được ông bà đăng ký kết hôn đã vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng Điều 8, 10, 11, khoản 6 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Văn Q, sinh ngày 02/6/1971 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 01/01/1971, kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là ngày 02/6/1991.

Về lệ phí: Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự; Ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ủy ban nhân dân xã C, huyện T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1; ông Q, bà Đ1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn; ông Q, bà Đ1 cư trú tại xã C, huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện có thẩm quyền giải quyết việc dân sự.

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C Bắc đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1 và yêu cầu của ông Q bà Đ1 đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn, thấy rằng:

Căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu gồm: Tờ khai Chứng minh nhân dân số 141489028 ngày 19/5/1987, kết quả xác minh của Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh H ngày 02/12/2020, Căn cước công dân,

Giấy khai sinh của ông Vũ Văn Q, xác định ông Vũ Văn Q sinh ngày: 02/6/1971. Tuy nhiên, vào ngày 13/9/1989, khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, ông Q đã khai sinh năm 1968 để được đăng ký hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân, Ủy ban nhân dân xã C đã tiến hành đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 13/9/1989 cho ông Q, bà Đ1.

Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà Đ1 đã đủ tuổi kết hôn nhưng ông Q mới 18 tuổi 3 tháng 11 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 về độ tuổi kết hôn “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*” nên việc đăng ký kết hôn của ông Q, bà Đ1 là trái pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn, ông Q, bà Đ1 chung sống hạnh phúc. Nay ông Q, bà Đ1 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, thấy rằng không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cần chấp nhận yêu cầu của ông Q, bà Đ1, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Q, bà Đ1 kể từ thời điểm đủ điều kiện kết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: a) N từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên*”, do đó, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà Đ1 kể từ thời điểm ông Q đủ tuổi kết hôn là ngày 02/6/1991.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật nên không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1 yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 149; 367; 370; 371 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; 10; 11 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1.

2. Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Văn Q, sinh ngày 02/6/1971 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh ngày 01/01/1971, cùng cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương kể từ ngày 02 tháng 6 năm 1991.

3. Về lệ phí:

Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0006772 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Hương Lý**